



Thuyết minh Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn sửa đổi, bổ sung

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
NAM SÀI GÒN**

THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ SADECO

(Đính kèm Tờ trình số 04/TTTr.20-SDC/HDQT ngày 08 tháng 05 năm 2020)

I. Từ ngữ viết tắt và ghi chú:

I.1. Từ ngữ viết tắt:

- Luật doanh nghiệp năm 2014: LDN
- Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn: SADECO/Công ty
- Đại hội đồng Cổ đông: ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị: HĐQT
- Tổng Giám đốc: TGD.

I.2. Ghi chú:

- Các chữ có dấu gạch ngang dưới là nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi;
- Các chữ in nghiêng là nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung;
- Các chữ gạch ngang giữa là nội dung bãi bỏ.

II. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Nội dung	Điều lệ Công ty hiện hành	Điều lệ Công ty dự thảo điều chỉnh	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/Căn cứ pháp lý
1	Điểm 1.4 Khoản 4 Điều 1. Giải thích từ ngữ <u>“Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</u>	Sửa đổi, bổ sung Điểm 1.4 Khoản 4 Điều 1 <i>“Người quản lý bao gồm:</i> - <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị,</i> - <i>Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công</i>	Căn cứ Khoản 18 Điều 4 LDN quy định: Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm ... Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký

		ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.”	kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Tuy nhiên ở thời điểm hiện tại, người có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch gồm Chủ tịch HĐQT (NĐDTPL), Tổng giám đốc (quyền được trao theo Điều lệ), ngoài ra không còn chức danh nào khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch (ở đây được hiểu là loại trừ các trường hợp nhân danh thông qua hình thức ủy quyền). Do đó, có thể điều chỉnh nội dung này theo 02 phương án: 01. Người quản lý bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT và TGD. 02. Người quản lý bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, TGD và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đối với Phương án 2 là do hiện nay pháp luật quy định Điều lệ Công ty quyết định người quản lý khác được quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch. Do đó, quyền này được hiểu là quyền của ĐHĐCĐ. Để dự trù các trường hợp ĐHĐCĐ quyết định người quản lý khác
--	--	--	--

			được quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch mà không cần điều chỉnh Điều lệ Công ty. → Đề xuất điều chỉnh theo Phương án 2. → Đề xuất thay đổi toàn bộ cụm từ cán bộ quản lý thành người quản lý để phù hợp với quy định pháp luật.
2	Bổ sung định nghĩa Người điều hành; Ban Tổng giám đốc	Bổ sung định nghĩa Người điều hành vào Khoản 1.5, 1. 6, Điều 1 <i>“1.5. Người điều hành là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và những vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm;</i> <i>1.6. Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.”</i>	Tham khảo Điểm e, Khoản 1, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC có <u>định nghĩa về Người điều hành</u> nhưng hiện nay Điều lệ SADECO chưa có nội dung này. Thực tiễn hiện nay SADECO sử dụng cụm từ Ban Điều hành, Ban Tổng giám đốc thường xuyên, tuy nhiên, Điều lệ và các văn bản liên Quan lại không nêu rõ Người điều hành, Ban Tổng giám đốc gồm những ai? ⇒ Đề xuất bổ sung định nghĩa Người điều hành, Ban Tổng giám đốc.
3	Khoản 4, Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của công ty Chi nhánh Công ty:	Loại bỏ Khoản 4, Điều 2 Điều lệ Công ty	Căn cứ Khoản 1 Điều 25 LDN quy định: Điều lệ Công ty phải có các <u>nội dung chủ yếu</u> sau đây: “...<u>tên, địa chỉ chi nhánh</u>...”

	- Địa chỉ : <u>Số 1 Đường số 5 và số 21 + 23 Đường số 2, Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM</u> - Điện thoại : <u>(84.8) 54.314.216</u> - Fax : <u>(84.8) 54.314.215</u>		Tuy nhiên, trường hợp đến ngày điều chỉnh Điều lệ, Công ty đã hoàn tất việc chấm dứt chi nhánh thì đề xuất loại bỏ nội dung này.
4	Khoản 2, Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động <u>Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.</u>	Sửa đổi Khoản 2, Điều 4 <i>“Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua.”</i>	Tham khảo Khoản 2, Điều 5, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC.
5	Khoản 7, Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty <u>mua lại là cổ phiếu quỹ</u> và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Sửa đổi Khoản 7, Điều 5 <i>Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được xử lý theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</i>	Căn cứ Khoản 2, Điều 131 Luật Doanh Nghiệp quy định: “2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này được coi là <u>cổ phần chưa bán</u> theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật này. Công ty phải làm thủ tục <u>điều chỉnh giảm vốn điều lệ</u> tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại

			cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.” Do SADECO chưa là công ty đại chúng nên khi mua lại cổ phần không được giữ cổ phần làm cổ phiếu quỹ. Vì vậy việc quy định như hiện nay không phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng trong tương lai công ty sẽ trở thành Công ty đại chúng nên quy định này nên được điều chỉnh như đề xuất.
6	Khoản 4 Điều 6. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về	Sửa đổi Khoản 4, Điều 6: <i>“Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 120 LDN: <u>“Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</u>

	việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	<i>thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo cho cổ đông trình tự, thủ tục cấp lại cổ phiếu và hướng dẫn cổ đông thực hiện.”</i>	Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.” Đồng thời, bổ sung đoạn “Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo cho cổ đông trình tự, thủ tục cấp lại cổ phiếu và hướng dẫn cổ đông thực hiện.”
7	Khoản 1 Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	<i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông như sau:</i>	Khoản 2, 3 Điều 115 LDN quy định Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

	“Tuân thủ Điều lệ Công ty và các <u>Quy chế</u> của Công ty; <u>chấp hành quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.”	“<i>Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i>”	“- Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty. - Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.” ⇒ Chính sửa để phù hợp và đầy đủ theo quy định của LDN.
8	Khoản 1 Điều 12. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi tên Điều 12 thành Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông. <i>Khoản 1, Điều 12:</i> <i>“Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính”</i>	Bỏ nội dung đoạn gạch bổ sung vào Khoản 1 Điều 13 Điều lệ để phù hợp logic trình bày theo Điều 135, Điều 136 LDN.
9	Khoản 3.3 Điều 12. Đại hội đồng cổ đông “Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số	Sửa đổi Khoản 3.3 Điều 12 <i>“Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn so với số thành viên mà pháp luật quy định, trường hợp này Hội</i>	Sửa đổi để phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 136 LDN quy định Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp nhất định.

	thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện nêu tại khoản này”;	đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản 4 Điều này.”	Vì Khoản 3 Điều 12 Điều lệ quy định các trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường. Còn thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao lâu được quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này. Do đó đề xuất chuyển phần thời hạn quy định tại Khoản 4 Điều 12. Bên cạnh đó, Khoản 3, Khoản 4 Điều 136 và Khoản 1 Điều 150 LDN được hiểu là HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi số lượng thành viên ít hơn so với quy định pháp luật trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này. Đồng thời, Điểm a Khoản 3 Điều 156 LDN thì TV HĐQT ít hơn 1/3 so với điều lệ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba mà không phải 30 ngày. ⇒ Đề xuất ghi rõ số lượng TV HĐQT giảm quá số lượng theo quy định LDN thì HĐQT triệu tập trong vòng 30 ngày.
--	--	--	--

			Trường hợp giảm quá 1/3 sẽ được bổ sung tại Khoản 4.4 Điều 12 Điều lệ.
10		Bổ sung Khoản 3.4 Điều 12 <i>“Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so (1/3) với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất về việc xác định số thành viên cụ thể của Hội đồng quản trị. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).”</i>	Bổ sung theo Điểm a Khoản 4 Điều 156 LDN. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 31 Điều lệ quy định thành viên HĐQT từ 5-11 và thành viên BKS từ 3-5 thành viên. Điều lệ SADECO không quy định cụ thể số lượng thành viên HĐQT, BKS mà quy định theo một khoảng. Số lượng TV.HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ quyết định theo từng Nghị quyết ban hành. Do đó, không có đủ cơ sở khi xác định việc giảm 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ là giảm bao nhiêu thành viên. Vì vậy, bổ sung căn cứ giảm 1/3 so với số lượng thành viên HĐQT theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ kỳ họp gần nhất về việc xác định số thành viên cụ thể của HĐQT.
11	Khoản 4.3 Điều 12. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2, Khoản 4 Điều này	Sửa đổi, bổ sung Khoản 4.3 Điều 12 <i>“Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2, Khoản 4 Điều này thì cổ đông,</i>	Khoản 6, Điều 136 LDN quy định: “ 6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ

	thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 3.4, Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.”	đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.” Do đó, việc Điều lệ hiện hành quy định thời hạn 30 ngày và chỉ cho phép cổ đông, nhóm cổ đông đã từng có yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường (nhưng HĐQT đã không triệu tập) mới có quyền đại diện Công ty đứng ra triệu tập ĐHĐCĐ là không phù hợp với quy định pháp luật, giới hạn quyền của cổ đông, nhóm cổ đông. Vì vậy, đề xuất bãi bỏ thời hạn 30 ngày và điều chỉnh đối tượng cổ đông, nhóm cổ đông được quyền đại diện công ty đứng ra triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của LDN. Khoản 1 Điều 135 LDN quy định:
--	---	--	--

12	Sửa đổi bổ sung Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông 1.12. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán trở lên.</u> 1.13. <u>Công ty mua hơn 10% một loại cổ phần phát hành.</u>	Sửa đổi bổ sung Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau: 2.12. Quyết định đầu tư; mua sắm, xây mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định, huy động vốn, chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc cho thuê, thế chấp, cầm cố, bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; 2.13. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại hoặc mua lại dưới mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã được chào bán quá 12 tháng;	Điều 135. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. ⇒ Bổ sung Khoản 1 Và Điều chỉnh Khoản 1 thành Khoản 2, đồng thời sửa đổi Khoản 1.12 và 1.13 Điều 12 Điều lệ này theo đúng quy định của Điểm d, g Khoản 2, Điều 135 LDN và Điểm m Khoản 2, Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Về thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông Hiện nay tại Các điều 6,7,8, 13,14 Quy chế tài chính Công ty quy định các quyền này của ĐHĐCĐ. Để làm cơ sở và sự thống nhất giữa Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty đề xuất bổ sung các nội dung như điều chỉnh.
13	Sau khi điều chỉnh Điều 12, 13 theo các mục 8 , 9, 10, 11, 12 của Thuyết minh này thì đảo thứ tự như sau: - Điều 12 Điều lệ hiện hành thành Điều 13 Dự thảo;		Để phù hợp logic trình bày theo Điều 135, Điều 136 LDN.

	- Điều 13 Điều lệ hiện hành thành Điều 12 Dự thảo.		
14	Điểm 2.8 Khoản 2 Điều 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung Điểm 2.8, Khoản 2, Điều 15 “Các công việc khác phục vụ cuộc họp”.	Khoản 7 Điều 136 LDN quy định Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: “... h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp”. ⇒ Bổ sung để phù hợp với quy định LDN.
15	Khoản 3 Điều 15 “Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”	Sửa đổi, Bổ sung Khoản 3 Điều 15 “Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”	Làm rõ thời điểm xác định thông báo mời họp đã được gửi đi, tránh rủi ro xảy ra tranh chấp về việc vi phạm trình tự triệu tập ĐHĐCĐ. Tham khảo Khoản 3, Điều 18, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC.
16	Khoản 4 Điều 15 “Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch	Sửa đổi Khoản 4 Điều 15 “Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty đã	Khoản 2 Điều 139 LDN Mời họp Đại hội đồng cổ đông “Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của

	chứng khoán (khi Công ty đã được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch); đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.”	<i>được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch); đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.”</i>	công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.” ⇒ Điều chỉnh để xác định rõ hình thức đăng thông báo, cắt giảm các chi phí đăng báo khi không cần thiết.
17	Khoản 5 Điều 15 “5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: 5.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; 5.2. Phiếu biểu quyết; 5.3. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.” Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu	Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 15 <i>“5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</i> <i>5.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.</i> <i>5.2. Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên (nếu có) trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;</i> <i>5.3 Phiếu biểu quyết;</i> <i>5.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</i> <i>5.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.”</i>	Tham khảo Khoản 3, Điều 18, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 139 LDN quy định tương tự như quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS gặp vướng mắc khi không hiểu rõ Danh sách và thông tin các ứng viên có phải là “tài liệu sử dụng trong cuộc họp” không? để gửi kèm Thông báo theo đúng quy định. Vì vậy có thể tham khảo Điều lệ mẫu để bổ sung nội dung này để thuận tiện cho quá trình áp dụng.

	hợp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu bằng văn bản.		
18	Khoản 9 Điều 15 “Trường hợp <u>tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông</u>, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.”	Sửa đổi Khoản 9 Điều 15 “<i>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i>”	Quy định hiện nay chưa phù hợp với quy định pháp luật, Chính sửa để phù hợp Khoản 2 Điều 148 LDN và việc “thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết” khác với việc thông qua bằng “100% số cổ phần có quyền biểu quyết <u>trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua uỷ quyền</u>”
19	Khoản 1 Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. “Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</u>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.”	Sửa đổi Khoản 1 Điều 17 “<i>Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</i> 1. <i>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</i>	Khoản 1, Điều 142 LDN quy định “Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u>” ⇒ Bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật và thuận tiện khi triển khai thực hiện.

20	Khoản 2 Điều 17 “Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu	Bổ sung vào Khoản 2 Điều 17 cụm từ: “Trừ trường hợp ĐHĐCĐ thông qua một hình thức biểu quyết khác tại cuộc họp, hình thức tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ như sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết ... Chủ tọa”	Căn cứ Điều 142, LDN quy định về Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thì “Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau: ...” Vì vậy, LDN cho phép ĐHĐCĐ được quyết định hình thức tiến hành biểu quyết khác tại Đại hội đồng cổ đông. Do đó, để linh động trong việc quyết định phương thức biểu quyết, đề xuất bổ sung nội dung: “Trừ trường hợp ĐHĐCĐ thông qua một hình thức biểu quyết khác tại cuộc họp, thì thẻ thức tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ như sau:”

	theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa.”		
21	Khoản 3 Điều 17 “Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự không bị ảnh hưởng.”	Sửa đổi Khoản 3 Điều 17 <i>“Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.”</i>	Bổ sung thêm cụm “Người được ủy quyền dự họp” để làm rõ các đối tượng được đăng ký bổ sung. Và, làm rõ khái niệm thế nào là muợn để tránh các vướng mắc khi áp dụng. Tham khảo Khoản 3, Điều 20, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC.
22	Khoản 6 Điều 17 “Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.”	Sửa đổi Khoản 6 Điều 17 <i>“Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8, Điều 142, Luật doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.”</i>	Điều 142 LDN quy định “Trường hợp công ty không có quy định khác thì thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ được tiến hành như sau: ...” ⇒ LDN cho phép Công ty được quyền quy định thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. ⇒ Hiện nay, Điều lệ SADECO đang quy định quyền hoãn họp ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ quyết định mà không phụ thuộc vào điều kiện do luật quy định.

			<u>Điều này làm hạn chế quyền của Chủ tọa cuộc họp.</u> ⇒ Đề xuất quy định theo Luật và bổ sung thời hạn được hoãn theo quy định.
23	Khoản 7 Điều 17 “Chủ tọa của đại hội hoặc <u>Thư ký đại hội</u> có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.”	Sửa đổi Khoản 7 Điều 17 <i>“Chủ tọa của đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.”</i>	Việc Điều lệ Công ty quy định Thư ký đại hội có quyền điều khiển Đại hội đồng cổ đông là chưa phù hợp, làm mất đi tính tập trung quyền lực của Chủ tọa. Đề xuất loại bỏ cụm từ “Thư ký đại hội”.
24	Khoản 1 Điều 18. Thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông	1) Sửa đổi tên điều: Thông qua <u>Nghị quyết</u> của ĐHĐCĐ, điều chỉnh khoản 1, 2, 3 thành khoản 2, 3, 4 Bổ sung khoản 1 Điều 18 <i>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</i> <i>1.1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</i> <i>1.2. Định hướng phát triển công ty;</i>	1. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết chứ không phải là Quyết định. Do đó, điều chỉnh tên điều cho phù hợp. 2. Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp, làm rõ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tránh trường dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng nội dung này.

		1.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 1.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; 1.7. Tổ chức lại, giải thể công ty.	
25	Khoản 2,3 Điều 18. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: 1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; 1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; 1.4. Bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2,3 Điều 18 “2. Trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi được ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành. 3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi được ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành: 3.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 3.2. Thay đổi vốn điều lệ của Công ty.	Khoản 1, Điều 144, LDN quy định “Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định: e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định: ⇒ Pháp luật trao quyền DN được phép bổ sung các nội dung khác để xác định tỷ lệ % số cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết. Hiện nay, phát sinh một số trường hợp gián tiếp làm thay đổi loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại như: việc tăng, giảm vốn điều lệ; việc mua lại cổ phần đã chào bán. Như vậy, để đảm bảo cho việc áp dụng các quy định được thuận tiện, tránh gây hiểu nhầm, đề xuất các trường hợp bổ sung các Nghị quyết sau sẽ

	ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này;	3.3. Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã chào bán hoặc mua lại dưới mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã được chào bán quá 12 tháng. 3.4. Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh; 3.5. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; 3.6. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 3.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 4. (Như Khoản 3, Điều 18, Điều lệ SADECO hiện hành). ”	được thông qua khi có 65% cổ đông có quyền biểu quyết tán thành gồm: 3.2 Thay đổi vốn điều lệ của Công ty bao gồm cả việc giảm vốn điều lệ. 3.3 Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã chào bán hoặc mua lại dưới mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã được chào bán quá 12 tháng. 3.6. theo 2.12 Điều 12. Đại hội đồng cổ đông theo điều lệ đề xuất sửa đổi
26	Khoản 1 Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi Khoản 1, Điều 19 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này	Sau khi đã bổ sung Khoản 1, Điều 18 như nội dung mục 22, bản thuyết minh. Đề xuất bổ sung nội dung này để làm rõ các vấn đề không được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.
27	Điểm 6.6 Khoản 6 Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông	Bổ sung Điểm 6.6 Khoản 6, Điều 19 như sau:	Bổ sung cụm từ “người kiểm phiếu” theo quy định về chữ ký trên biên bản kiểm phiếu và

	bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và người giám sát kiểm phiếu.</u> <u>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</u>	6.6. <i>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</i> <i>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</i>	trách nhiệm của những người liên quan theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
28	Khoản 9 Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>65%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi Khoản 9 Điều 19 <i>“Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</i>	Căn cứ Khoản 4, Điều 144, LDN kiến nghị tỷ lệ để Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản là 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Đề xuất sửa đổi tỷ lệ biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng văn bản.

29	Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. ... Công ty. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông tại Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc..... trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi bổ sung Khoản 1, Điều 20 <i>“1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</i> <i>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông tại Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc..... trụ sở chính của Công ty.</i>	Khoản 1 Điều 146 Luật doanh nghiệp quy định về các nội dung cần phải có của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ⇒ Đề xuất bổ sung khoản 1 và điều chỉnh số thứ tự các khoản điều này. Theo quy định tại TT95, không bắt buộc công ty phải đồng thời công bố trên website của Công ty và gửi đến cổ đông mà công ty được quyền chọn một trong hai phương thức. Do đó, đề xuất chuyển từ “và” thành từ “hoặc”.
----	---	---	---

30	Điểm 4.2, 4.3, 4.6 Khoản 4. Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị “4.2. Trường hợp cổ đông đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm; 4.3. Trường hợp cổ đông đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; ... 4.6. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà <u>không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị</u> và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống”	Sửa đổi Điểm 4.2, 4.3, 4.6 Khoản 4. Điều 23 “ 4.2. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm; 4.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; ... 4.6. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. ”	Đối với Điểm 4.2; 4.3 Khoản 4, Điều 23: Điểm d, Khoản 1, Điều 156 quy định thành viên HĐQT miễn nhiệm theo “Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty”. Do đó, Công ty quy định các trường hợp miễn nhiệm thành viên theo Khoản 4.2; 4.3 Khoản 4, Điều 23, Điều lệ là phù hợp với quy định LDN. Tuy nhiên, việc đề cử thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ do Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện. Quy định như hiện nay sẽ dẫn đến trường hợp đối với thành viên HĐQT do nhóm cổ đông cùng gộp số cổ phần sở hữu để đề cử thì sẽ xảy ra trường hợp một trong số các cổ đông thuộc nhóm này yêu cầu Công ty bãi nhiệm hoặc bán toàn bộ cổ phần thì tư cách thành viên HĐQT của thành viên đó được xác định như thế nào? Vì vậy, để rõ ràng trong cách hiểu quy định, đảm bảo tính ổn định nhân sự cấp cao thì đối với trường hợp thành viên HĐQT do nhóm cổ đông đề cử thì chỉ mất tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp tất cả các cổ đông thuộc nhóm đề cử yêu cầu bãi nhiệm/bán toàn bộ cổ phần. Đối với Điểm 4.6 Khoản 4, Điều 23:
----	--	--	---

			Khoản 1 Điều 156 Luật doanh nghiệp quy định “1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp sau: ...b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.” ⇒ Luật quy định cứng trường hợp TV. HĐQT bị miễn nhiệm mà không phụ thuộc vào việc có chấp thuận, quyết định hay không của HĐQT. ⇒ Mặc dù Luật cho phép điều lệ Công ty được quy định các trường hợp khác nhưng các trường này (nếu có) là các trường hợp khác với các trường hợp đã được luật quy định. Đề xuất điều chỉnh tương tự như quy định của LDN.
31	Khoản 5 Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị “Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng	Bãi bỏ Khoản 5 Điều 23	Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 135; Khoản 2, Điều 143 LDN quy định việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông và phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

	cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”		Việc HĐQT tạm thời “bổ nhiệm” là vượt thẩm quyền của HĐQT và có khả năng xảy ra các rủi ro pháp lý. Trước đây, Khoản 3, Điều 11, Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty đại chúng và điều lệ mẫu ban hành có quy định về nội dung mở này. Tuy nhiên, Thông tư trên hiện nay đã hết hiệu lực và Thông tư 95/2017/TT-BTC thay thế thông tư 121/2012/TT-BTC cũng lược bỏ nội dung này.
32	Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị <u>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm</u>	Sửa đổi Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 24 <i>“Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.”</i>	Sửa đổi theo Điểm a Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp.

33	Điểm 3.3 và 3.9 Khoản 3 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3.3 <u>Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</u> 3.9. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có)</u>	Gộp hai Điểm 3.3 và 3.9 Khoản 3 Điều 24 và bổ sung thành: <i>“3.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý khác, người điều hành của Công ty.”</i>	Chỉnh sửa đúng theo nội dung Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN Nội dung Điểm 3.3 và 3.9 Khoản 3 Điều 24 là một phần của điểm i khoản 2 Điều 149. (Hiện tại đang bỏ đi thẩm quyền ký kết, chấm dứt hợp đồng của HĐQT). Đề xuất bỏ hai khoản này và chuyển Khoản 3.3 thành nội dung Điểm i Khoản 2 Điều 149. Đồng thời, bổ sung thêm cụm từ người điều hành so với Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN để phù hợp với định nghĩa tại Điều lệ và hoạt động thực tế tại SADECO. Đồng thời phân định rõ quyền của HĐQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành của HĐQT. Đối với thủ tục ký kết, chấm dứt hợp đồng với những người này thực hiện theo quy định pháp luật lao động.
34	Điểm 3.4 Khoản 3 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;	Sửa đổi Điểm 3.4 Khoản 3 Điều 24 <i>“Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.”</i>	Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN quy định Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác ⇒ Bổ sung nội dung phù hợp LDN và bổ sung nội dung phân cấp, giao cho Chủ



			tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác quyết định ⇒ Các nội dung khác tại Điểm i Khoản 2 Điều 149 đã có trong điều lệ 4.1, 4.2, 4.8 Điều 24 Điều lệ.
35	Khoản 3 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Bổ sung Điểm 3.12 Điều 24 <i>3.12. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.</i>	Theo Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN, HĐQT có quyền: <i>“Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.”</i> Hiện nay Điều lệ Công ty chưa có quyền này. Do đó đề xuất bổ sung.
36	Điểm 4.3 Khoản 4 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện,	Sửa đổi 4.3 Khoản 4 Điều 24 <i>Quyết định việc thực hiện, sửa đổi, hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.</i>	Khoản 1 Điều 149. LDN quy định Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời Điểm 2.12 và Điểm 2.15 Khoản 2 Điều 13 Điều lệ đề xuất sửa đổi quy định về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

	sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).		⇒ Quy định các trường hợp còn lại thuộc Hội đồng quản trị.
37	Điểm 4.8 Khoản 4 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị “Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.”	Sửa đổi Điểm 4.8 Khoản 4 Điều 24 “4.8. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng ”.	Điểm d, Khoản 1, Điều 149; LDN quy định “HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật này”. Khoản 1, Điều 130 LDN quy định “1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.” Do đó, Luật đã quy định cứng về thẩm quyền quyết định việc mua lại cổ phần. Điều lệ SADECO đang quy định cho HĐQT thẩm quyền vượt quá so với LDN. ⇒ Đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với quy định.
38	Khoản 3, Khoản 4 Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Gộp nội dung Khoản 4 vào Khoản 3 và bỏ cụm từ “Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn”	Nội dung Khoản 4 Điều 24 LDN là cùng thuộc quyền và nghĩa vụ của HĐQT do đó nên gộp lại để phù hợp.

		Điều chỉnh số thứ tự từ 4.1 đến 4.10 thành 3.13 đến 3.23. Bổ sung 3.24. 3.24. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, pháp luật và quyết định của ĐHĐCĐ.	Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại điều này còn có một số quyền và nghĩa vụ khác của quy định tại một số Điều khoản khác của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và văn bản pháp luật liên quan. Đề xuất bổ sung nội dung “<i>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, pháp luật và quyết định của ĐHĐCĐ.</i>”
39	Khoản 1 Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Sửa đổi khoản 1 Điều 25 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông.	- Đề xuất bãi bỏ “Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty”: Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc hay không mặc nhiên phải được ĐHĐCĐ thông qua, do đó, quy định này là không cần thiết. - Đề xuất bãi bỏ cụm từ “thường niên” và điều chỉnh thành “<i>Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn</i>” vì: Việc quyết định chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức vụ Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, không là nội dung bắt buộc phải thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 LDN và

			Điều 12, Điều lệ này. Do đó quy định tại Điều này đang mâu thuẫn với các quy định nêu trên nên cần được điều chỉnh cho thống nhất.
40	Khoản 2 Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ sung Khoản 2 Điều 25 quy định về quyền hạn của Chủ tịch HĐQT: “2.5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.”	Điểm d, e Khoản 3 Điều 152 quy định: “d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. e. Quyền và nghĩa vụ khác của theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.”
41	Khoản 13 Điều 26. Các cuộc họp Hội đồng quản trị 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	Sửa đổi, bổ sung Khoản 13, Điều 26 “13. Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty quy định cụ thể trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng	Hiện này Luật DN chỉ quy định Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, <u>lấy ý kiến bằng văn bản</u> hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định mà không quy định rõ về việc lấy ý kiến bằng văn bản phải tiến hành như thế nào? nội dung phiếu lấy ý kiến, cách kiểm phiếu.... Do đó, đề xuất bổ sung nội dung nêu trên để làm rõ thẩm quyền lấy ý kiến bằng văn bản thông qua Nghị quyết của HĐQT, trình tự thủ tục phải tuân thủ.

		quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	
42	Khoản 16 Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u>	Sửa đổi khoản 16 Điều 26 <i>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các quy định khác tại Điều lệ này.</i>	Quy định hiện tại tại khoản 16 Điều 26 là không phù hợp, không có cơ sở pháp lý. Do đó, điều chỉnh theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
43	Điều 28. Cán bộ quản lý “Cán bộ quản lý: 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với <u>những cán bộ quản lý khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau <u>khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</u>”	Sửa đổi, bổ sung Điều 28 “ Người quản lý và Người điều hành: . 2. <i>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định.</i>	Bổ sung cụm từ người điều hành phù hợp với định nghĩa tại Điều lệ sửa đổi và hoạt động thực tế tại SADECO. Vì thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý và người điều hành thuộc Hội đồng Quản trị. Do đó, theo quy định tại Điều lệ hiện nay, việc phải có đề nghị/ phải tham khảo ý kiến của TGD làm giới hạn quyền quyết định của HĐQT.

44	Khoản 2 Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc “Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 29 <i>“Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của pháp luật.”</i>	Ngoài việc đáp ứng điều kiện không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ TGD còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để làm TGD theo quy định của Điều lệ, LDN. (Tham khảo Khoản 2, Điều 35, Điều lệ mẫu)
45	Khoản 3 Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Sửa đổi bổ sung Khoản 3 Điều 29 <u>Bổ sung các quyền như sau:</u> 3.3. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; 3.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; 3.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; 3.7. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; 3.8. Tuyển dụng lao động;	Căn cứ các điểm d, đ, e, g, h Điều 57, LDN quy định về các quyền cứng của TGD. Hiện nay, Điều lệ chưa quy định về các quyền này nên cần bổ sung để đảm bảo quyền điều hành của TGD. Bên cạnh đó, hiện nay, quy định tại khoản 3.4 không phù hợp với quyền của TGD được pháp luật thừa nhận (quyết định tuyển dụng, tiền lương, bổ nhiệm mà không cần tham khảo ý kiến của HĐQT). Để đảm bảo quyền điều hành của TGD đề xuất bỏ nội dung điều khoản này.

		<u>Bãi bỏ nội dung:</u> 3.4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động và các chức danh quản lý khác không thuộc thẩm quyền của HĐQT.	
46	Khoản 5 Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc “5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.”	Sửa đổi Khoản 5 Điều 29 “5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.”	Theo Điểm i Khoản 2 Điều 149 HĐQT có quyền miễn nhiệm mà không có quy định bãi nhiệm TGD. Do đó, điều chỉnh để phù hợp với quy định này.
47	Điều 30. Thư ký Công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện	Sửa đổi bổ sung Điều 30 Thư ký Công ty “Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị, tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 	Khoản 5 Điều 152 LDN quy định <u>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị</u> và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: ...

hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp; ghi chép các biên bản họp. 4. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 5. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. 6. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. 7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;	e) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</u> Do đó, đề xuất bổ sung khoản 8 về nghĩa vụ bảo mật của Thư ký công ty để phát huy vai trò của Thư ký trong việc hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị.
--	--	--

	<u>Thư ký công ty có trách nhiệm Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>		
48	Khoản 2 Điều 31. Thành viên Ban kiểm soát 2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.	<i>Sửa đổi khoản 2 Điều 31 như sau:</i> 2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.	Theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp về điều kiện và tiêu chuẩn của Kiểm soát viên đối với Công ty cổ phần (chưa niêm yết/vốn góp của Nhà nước dưới 50%) không yêu cầu phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp.
49	Khoản 5 Điều 31. Thành viên Ban kiểm soát 5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	<i>Sửa đổi khoản 5 Điều 31 như sau:</i> 5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp</i> và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Vì đã bãi bỏ tiêu chuẩn chung của kiểm toán viên tại Khoản 2 Điều 31 nêu trên (mục 46), do đó, bổ sung tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2, Điều 163, Luật doanh nghiệp và Điểm c Khoản 1 Điều 37 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
50	Khoản 8 Điều 31. Thành viên Ban kiểm soát	<i>Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh thứ tự khoản 8 Điều 31</i>	- Điều chỉnh nội dung tại các điểm 8.2, 8.3 và 8.7 theo đúng nội dung các quy

8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: 8.1. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp; 8.2. Trường hợp cổ đông đề cử thành viên Ban kiểm soát đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; 8.3. Trường hợp cổ đông đề cử thành viên Ban kiểm soát đó đã bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 8.4. Kiểm soát viên đó <u>từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty</u>; 8.5. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;	8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: 8.1. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp; 8.2. Kiểm soát viên <i>không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</i>; 8.3. Kiểm soát viên đó có <i>đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận</i>; 8.4. Trường hợp cổ đông đề cử <i>hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử</i> thành viên Ban kiểm soát đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; 8.5. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc <i>toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử</i> thành viên Ban kiểm soát đó đã bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 8.6. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên	định về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS tại Điều 169 Luật doanh nghiệp; - Điều chỉnh thứ tự các điểm theo logic: từ điểm 8.1 đến điểm 8.4 là các trường hợp miễn nhiệm, từ điểm 8.5 đến điểm 8.7 là các trường hợp bãi nhiệm; - Điều chỉnh điểm 8.4, 8.5 tương tự như điều chỉnh tại mục 30, Thuyết minh điều chỉnh này. Việc đề cử thành viên BKS theo quy định của Điều lệ do Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện. Quy định như hiện nay sẽ dẫn đến trường hợp đối với thành viên BKS do nhóm cổ đông cùng gộp số cổ phần sở hữu để đề cử thì sẽ xảy ra trường hợp một trong số các cổ đông thuộc nhóm này yêu cầu Công ty bãi nhiệm hoặc bán toàn bộ cổ phần thì tư cách thành viên BKS được đề cử có bị mất không? Vì vậy, để rõ ràng trong cách hiểu quy định, đảm bảo tính ổn định nhân sự cấp cao, đối với trường hợp thành viên BKS do nhóm cổ đông đề cử thì chỉ mất tư cách thành viên BKS trong trường hợp tất cả các cổ đông thuộc
---	---	--

	8.6. Kiểm soát viên đó <u>vắng mặt không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp nhận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> 8.7. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông.	đó không còn năng lực hành vi dân sự; 8.7. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	nhóm đề cử yêu cầu bãi nhiệm/bán toàn bộ cổ phần.
51	Khoản 3 Điều 32. Ban kiểm soát “3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu bốn (04) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) thành viên.”	Sửa đổi Khoản 3 Điều 32 “3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.”	Khoản 12 Điều 165 LDN cho phép bổ sung quyền của Ban kiểm soát và tham khảo Khoản 3 Điều 38 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, thì: “3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.”

			Do Điều lệ Công ty không quy định cứng số lượng thành viên BKS nên việc quy định như Điều lệ hiện nay có phần bất cập, không phù hợp với quy định. Đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với quy định LDN.
52	Khoản 6 Điều 38. Phân phối lợi nhuận Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp <u>Đại hội đồng cổ đông.</u>	Sửa đổi Khoản 6 Điều 38 <i>“Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.”</i>	Khoản 4 Điều 132 LDN quy định: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.” ⇒ Bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.

53	Khoản 7 Điều 38. Phân phối lợi nhuận <u>“7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.”</u>	Sửa đổi Khoản 7 Điều 38 <i>“7. Căn cứ Luật doanh Nghiệp, HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.”</i>	Điểm o Khoản 2 Điều 149 LDN quy định: HĐQT được quyền kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Khoản 4 Điều 132 LDN quy định Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.
54	Khoản 4 Điều 42. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý <u>“4. Khi Công ty được niêm yết hoặc đăng ký quản lý, các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.”</u>	Sửa đổi Khoản 4 Điều 42 <i>“4. Công ty công bố trên trang điện tử của Công ty những thông tin sau đây:</i> <i>4.1. Điều lệ công ty;</i> <i>4.2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;</i> <i>4.3. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</i> <i>4.4. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.”</i>	Điều 171 LDN. Công khai thông tin công ty cổ phần 1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây: a) Điều lệ công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội

			đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty; c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
55	Khoản 5 Điều 42. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính (hoặc Văn phòng làm việc) của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Bãi bỏ Khoản 5, Điều 42	Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 114, LDN quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông (theo Điều lệ SADECO là 5%) được quyền: b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; Do đó, theo quy định của LDN, Công ty chỉ phải thực hiện việc trích lục Báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty, các tổ chức, cá nhân khác không được quyền yêu cầu Công ty thực hiện việc này.

			Quy định như Điều lệ hiện nay chỉ áp dụng cho Công ty đại chúng, không phù hợp áp dụng tại Công ty. Do đó, đề xuất bãi bỏ.
56	Khoản 1 Điều 46. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: <u>1.1. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u> <u>1.2. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>1.3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</u> <u>1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u>	Sửa đổi Khoản 1 Điều 46 <i>“1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</i> <i>1.1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</i> <i>1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</i> <i>1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i> <i>1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”</i>	Theo Khoản 1 Điều 201 LDN quy định: “Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.” Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 201 LDN.

57	Khoản 1 Điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ “1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại.... Các bên liên quan <u>cố gắng</u> giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một (21) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. <u>Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</u>”	Sửa đổi Khoản 1 Điều 48. <i>“1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại. ...</i> <i>Các bên liên quan ưu tiên giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một (21) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên thống nhất thỏa thuận chọn một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân làm trung gian hòa giải, giải quyết tranh chấp.”</i>	Việc một bên chỉ định một chuyên gia để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp mà không được sự đồng ý của bên còn lại sẽ dẫn đến không giải quyết được. Do đó, cần sửa đổi để các bên có thể thỏa thuận, thống nhất lựa chọn cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân làm trung gian hòa giải, giải quyết tranh chấp.
58	Khoản 2 Điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Sửa đổi Khoản 2 Điều 48	Vì hiện tại chưa xác định được cụ thể quan hệ tranh chấp là quan hệ gì, do đó, việc xác định

	“2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <u>Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</u>”	<i>“2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.”</i>	tòa án kinh tế và trọng tài kinh tế để giải quyết là chưa phù hợp. Đồng thời, Tòa án cấp quận, huyện không phân biệt Tòa kinh tế, dân sự, hình sự mà là cấp Tòa án nói chung. Tranh chấp nội bộ Công ty (nếu không liên quan đến yếu tố nước ngoài) thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện.
59	Khoản 3 điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ “3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của <u>Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</u>”	Sửa đổi Khoản 3 Điều 48 <i>“3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.”</i>	Bổ sung cụm từ trọng tài để phù hợp Khoản 2 Điều 48.

Trên đây là thuyết minh về các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn. Ban Tổng giám đốc kính trình Hội đồng Quản trị xem xét, chấp thuận đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng.....năm 2020
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH